

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 28/2024/DS-GĐT

Ngày 09-5-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**ỦY BAN THẨM PHÁN**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia xét xử gồm:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tào

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Tự và ông Trương Minh Tuấn.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều - Thẩm tra viên.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị Hồng H**, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Khu phố C, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

**2. Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1980 và bà **Lê Thị Kim O** sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn, bà Lê Thị Hồng H trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Văn T quen biết nhau, ông T làm nghề xây dựng, nên đã rất nhiều lần vay tiền của bà. Sau đó, ngày 04-11-2020, hai bên tổng kết lại số tiền đã vay, ông T xác nhận còn nợ bà 920.000.000 đồng và cam kết sẽ trả đủ trước ngày 20-12-2020, nhưng đến nay ông T vẫn chưa trả nợ, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Kim O liên đới trả cho bà số tiền gốc là 920.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 20-12-2020 cho đến ngày xét xử, vì số tiền này ông T vay để làm ăn, phục vụ nhu cầu chung của cuộc sống vợ chồng ông T.

*\* Bị đơn:*

*- Ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông thừa nhận năm 2018, có vay tiền của bà Lê Thị Hồng H nhiều lần, tổng số tiền đã vay là 155.000.000 đồng. Sau đó, ông đã trả tiền lãi trên số nợ gốc là 285.000.000 đồng (trả nhiều lần), bà H vẫn chưa xóa nợ cho ông. Hiện nay, ông chỉ còn nợ bà H số tiền gốc là 155.000.000 đồng.

Đối với số nợ 920.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 04-11-2020, ông khẳng định không vay và không nhận từ bà H số tiền này. Lý do ông ký Giấy mượn tiền là do bà H gây áp lực đến gia đình ông, đe dọa sẽ cho người xuống nhà gây ảnh hưởng đến con cái và sức khỏe của cha ông, nên ông phải ký xác nhận vào Giấy mượn tiền ngày 04-11-2020.

Vì vậy, ông không đồng ý trả số tiền 920.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả số nợ gốc là 155.000.000 đồng cho bà Lê Thị Hồng H.

*- Bà Lê Thị Kim O trình bày:*

Việc vay mượn tiền giữa ông Nguyễn Văn T với bà Lê Thị Hồng H, bà hoàn toàn không biết và không nhận số tiền này. Ông T cũng không thông báo cho bà biết về số tiền đã vay của bà H, nên bà không có trách nhiệm cùng với ông T trả nợ cho bà H.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2023/DS-ST ngày 07-4-2023, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn quyết định:*

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 25, 27 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng H.**

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim O phải trả cho bà Lê Thị Hồng H số tiền nợ gốc là 920.000.000 đồng (chín trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 211.285.000 đồng (hai trăm mười một triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng); tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 1.131.285.000 đồng (một tỷ một trăm ba mươi một triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

**2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim O cho rằng nghĩa vụ trả nợ là của ông Nguyễn Văn T, bà không đồng ý liên đới trả nợ.**

**3. Tiếp tục áp dụng một phần biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 802/2022/QĐ- BPKCTT ngày 05-8-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định là Phong tỏa tài sản là quyền sử**

dụng đất tại thửa đất số 1344, tờ bản đồ 18, diện tích 209 m<sup>2</sup> tại khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 10-4-2023, bị đơn là ông Nguyễn Văn T kháng cáo và ngày 17-4-2023 có đơn kháng cáo bổ sung: Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét ông chỉ còn nợ bà Lê Thị Hồng H 155.000.000 đồng, đây là nợ riêng của ông đối với bà H. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông và vợ bà Lê Thị Kim O cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà H số tiền gốc là 920.000.000 đồng và tiền lãi là 211.285.000 đồng là không có căn cứ.

Ngày 17-4-2023, bị đơn là bà Lê Thị Kim O kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chỉ buộc cá nhân ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà Lê Thị Hồng H 155.000.000 đồng; bà không có trách nhiệm liên đới trả nợ, vì số nợ ghi trên Giấy mượn tiền không có tên bà, bà không ký và không biết bà H là ai, đây là khoản nợ riêng của ông T.

*Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 118/2023/DS-PT ngày 28-8-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim O; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2023/DS-ST ngày 07-4-2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

**2.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng H.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Kim O phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Hồng H số tiền là 1.131.285.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 920.000.000 đồng, tiền lãi là 211.285.000 đồng).

**3.** Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Hồng H hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ H02204, do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn cấp ngày 26-9-2007 đứng tên bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn M (bản gốc).

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí phúc thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 02-10-2023, bị đơn là bà Lê Thị Kim O có đơn nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm và ngày 24-10-2023, bị đơn là ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Kim O tiếp tục có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/KN-DS ngày 02-4-2024, Chánh án Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 118/2023/DS-PT ngày 28-8-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, sửa Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo hướng xác định khoản tiền 920.000.000 đồng là nợ riêng của ông Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Chánh án Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

[1.1]. Tại Giấy mượn tiền ngày 04-11-2020 thể hiện, ông Nguyễn Văn T có vay của bà Lê Thị Hồng H 920.000.000 đồng (chín trăm hai mươi triệu đồng) và cam kết đến trước ngày 20-12-2020 sẽ trả (bút lục số 49).

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T thừa nhận từ năm 2018, ông nhiều lần vay tiền của bà Lê Thị Hồng H, với tổng số tiền đã vay 155.000.000 đồng, nhưng thời gian sau đó ông đã trả lãi trên số tiền gốc là 285.000.000 đồng. Đối với số tiền theo Giấy mượn tiền mà bà H đang khởi kiện, ông T thừa nhận chữ ký của mình, nhưng cho rằng do bị bà H ép buộc, nhưng ông T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho nội dung này. Do đó, có cơ sở để xác định ông Nguyễn Văn T có vay của bà Lê Thị Hồng H số tiền 920.000.000 đồng đúng như yêu cầu khởi kiện của bà H.

[1.2]. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng Giấy mượn tiền ngày 04-11-2020 chỉ có ông Nguyễn Văn T là người ký vào mục người mượn tiền. Quá trình hoà giải, tiếp cận công khai chứng cứ và đối chất, bà Lê Thị Kim O khai không biết đến khoản nợ này và không biết bà Lê Thị Hồng H là ai. Do đó phải xác định đây là khoản nợ riêng của ông T, nên bà O không có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ này, bởi lẽ: Khi ký kết hợp đồng vay nợ, bà O không tham gia, không biết về việc ký kết hợp đồng vay nợ của ông T; đồng thời, bà O cũng không ủy quyền cho ông T trong giao dịch với bên cho vay là bà H. Ông T và bà O không có hoạt động kinh doanh chung và việc vay tiền của ông T cũng không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Như vậy, Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm; buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Kim O có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Hồng H số tiền là 1.131.285.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 920.000.000 đồng, tiền lãi là 211.285.000 đồng) là đánh giá không đúng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Kim O.

[2]. Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

[2.1]. Ngày 15-7-2022, nguyên đơn là bà Lê Thị Hồng H có đơn khởi kiện; ngày 28-7-2022, bà H có đơn yêu cầu phong tỏa tài sản là 02 thửa đất (thửa số 822 và thửa số 1334) đứng tên ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Kim O. Ngày 03-8-2022, Tòa án thị xã H có Công văn xác minh đối với 02 thửa đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H; ngày 04-8-2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H có công văn trả lời: *“Đã thụ lý giải quyết hồ sơ và thực hiện đăng ký biến động theo quy định, nhưng chưa chuyển đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trao Giấy chứng nhận cho công dân”*.

[2.2]. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện thửa đất số 822 và thửa đất 1344 đã đăng ký biến động từ tên ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Kim O sang tài sản riêng của bà O từ ngày 03-8-2022.

Ngày 05-8-2022, Tòa án thị xã H ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 802/2022/QĐ-BPKCTT phong tỏa 02 thửa đất (thửa số 822 và thửa 1334); Đến ngày 16-01-2023, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn ban hành Quyết định hủy bỏ một phần biện pháp khẩn cấp tạm thời, cụ thể là hủy bỏ phong tỏa đối với thửa đất số 822 và tiếp tục phong tỏa thửa đất số 1334. Như vậy, thời điểm Tòa án thị xã H ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì thửa đất trên đã đăng ký biến động sang tên bà Lê Thị Kim O. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm còn phong tỏa sai số thửa đất (vì thửa đất đứng tên ông T, bà O đã được chỉnh lý sang tên bà O ngày 03-8-2022 là thửa đất số **1344**, tờ bản đồ số 18, không phải là thửa đất số **1334**).

[3]. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định khoản nợ 920.000.000 đồng mà ông Nguyễn Văn T vay của bà Lê Thị Hồng H là nợ chung, từ đó buộc ông T, bà O có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ gốc và tiền lãi là không đúng; đồng thời, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cũng không đúng như đã nêu.

Vì vậy, cần sửa bản án dân sự phúc thẩm theo hướng xác định khoản nợ 920.000.000 đồng là nợ riêng của ông Nguyễn Văn T. Đồng thời tuyên sửa phần án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm và hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Tòa án thị xã H.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/KN-DS ngày 02-4-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 5 Điều 343, Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tuyên xử:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/KN-DS ngày 02-4-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Sửa Bản án dân sự phúc thẩm số 118/2023/DS-PT ngày 28-8-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, cụ thể:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng H. Buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Hồng H số tiền là 1.131.285.000đ (trong đó, tiền gốc là 920.000.000 đồng, tiền lãi là 211.285.000 đồng).

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn T phải chịu là 45.938.550 đồng. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

2.3. Bà Lê Thị Kim O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

2.4. Huỷ bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 802/2022/QĐ-BPKCTT ngày 05-8-2022 và Quyết định huỷ bỏ một phần biện pháp khẩn cấp tạm thời số 28/2023/QĐ-BPKCTT ngày 16-01-2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và Bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn;
- Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Tào**













